

*Trợ giúp 3 sao giúp luật + trợ giúp + HCSN + NGX*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2018/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2018

### **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công  
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương**

SỞ TÀI CHÍNH HẢI DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 6275
	Ngày: 24/7
	Chuyên: .....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;  
Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của  
Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;  
Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của  
Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và  
xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;  
Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của  
Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP  
ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của  
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;  
Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công  
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương; Báo  
cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu  
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 94/2014/NQ-HĐND15 ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

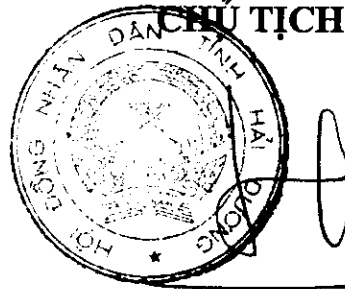
Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2018. / ~~PH~~

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VB*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

(Để báo cáo)



**Nguyễn Mạnh Hiền**

## QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan,  
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND  
ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)*

### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công (*trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và phương tiện vận tải khác; tài sản khác theo quy định của pháp luật*) tại cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp (*quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này*) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

2. Doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

### Chương II

## NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

### Mục 1

## THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

### **Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công theo dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính đối với:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của Chính phủ và phương tiện vận tải khác như tàu, thuyền, xuồng, ca nô; trừ tàu, thuyền, xuồng, ca nô phục vụ tập luyện và thi đấu thể thao (*sau đây gọi là tàu, thuyền*);

c) Tài sản khác có giá trị lớn (*từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản*), trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quyết định mua sắm tài sản trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Điều này.

### **Điều 4. Thẩm quyền đi thuê tài sản để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê đối với mức tiền thuê từ 500 triệu đồng/năm trở lên sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê trong phạm vi dự toán kinh phí được giao đối với mức tiền thuê dưới 500 triệu đồng/năm.

2. Thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác (*không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị*), trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê đối với mức tiền thuê từ 500 triệu đồng/năm trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê trong phạm vi dự toán kinh phí được giao đối với mức tiền thuê dưới 500 triệu đồng/năm tính cho 01 đơn vị tài sản.

## **Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại.

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác (không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

b) Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (kể cả đơn vị cấp xã).

## **Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản: Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương;

b) Tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và các sở, ban, ngành, đoàn thể này sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và các sở, ban, ngành, đoàn thể khác.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của phòng Tài chính - Kế hoạch;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị thuộc cấp xã quản lý.

## **Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác không thuộc phạm vi khoản 1 Điều này, trừ tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi mình quản lý;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của phòng Tài chính - Kế hoạch.

## **Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

2. Đối với thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình kiến trúc không gắn với chuyển quyền sử dụng đất:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản là nhà; tài sản là nhà và công trình kiến trúc; tài sản là công trình kiến trúc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định đối với tài sản là công trình kiến trúc không gắn với chuyển quyền sử dụng đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi mình quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với nhà, công trình kiến trúc không gắn với chuyên quyền sử dụng đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (*bao gồm cả cấp xã*) sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản, trừ trường hợp tài sản thuộc đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh;

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý sau khi có kết quả thẩm định bằng văn bản của phòng Tài chính - Kế hoạch;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật quyết định tiêu hủy tài sản công.

### **Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tàu, thuyền; xe ô tô các loại.

2. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định đối với tài sản thuộc phạm vi mình quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản.

## Mục 2

### QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC; TÀI SẢN NHÀ ĐẤT CỦA DOANH NGHIỆP

**Điều 11.** Thẩm quyền quyết định phương án điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện theo quy định về phân cấp xử lý tài sản công tại Mục 1 Chương này.

**Điều 12.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính đối với nhà đất của doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương.

## Mục 3

### QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

**Điều 13. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản thuộc phạm vi quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản sau khi đã xác lập quyền sở hữu toàn dân**

1. Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính đối với:



- Tài sản là nhà, đất, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); tàu, thuyền; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

- Tài sản điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh về cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã) và ngược lại; điều chuyển giữa các huyện, thành phố, thị xã với nhau.

b) Đối với tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh ra quyết định tịch thu:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định phương án xử lý tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản;

- Thủ trưởng cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định phương án xử lý tài sản khác có giá trị dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản.

c) Đối với tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ra quyết định tịch thu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án xử lý tài sản trên cơ sở đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch.

2. Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính trong trường hợp:

- Tài sản là nhà, đất, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); tàu, thuyền; xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

- Giao, điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; điều chuyển giữa các huyện, thành phố, thị xã với nhau.

b) Đối với các trường hợp không thuộc phạm vi điểm a khoản này:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh ra quyết định tịch thu;

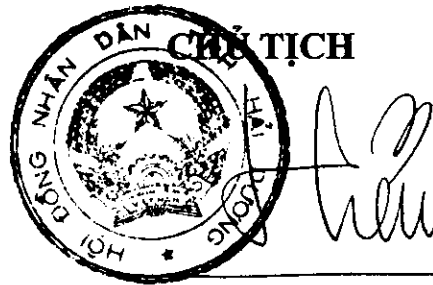
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án xử lý trên cơ sở đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp huyện ra quyết định tịch thu.

3. Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng không thuộc

phạm vi quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý trong trường hợp giao, điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; điều chuyển giữa các huyện, thành phố, thị xã với nhau trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương án xử lý đối với các trường hợp còn lại trên cơ sở đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch./.



**Nguyễn Mạnh Hiển**